

Số: /QĐ- UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng
vùng huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 6034/SXD-QH ngày 07 tháng 9 năm 2023 về việc Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây

dựng vùng huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 (kèm theo Tờ trình số 353/TTr-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2023 của UBND huyện Như Thanh).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Như Thanh và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Lưu: VT, CN.
- H1.(2023)QDPD_QDQL VH N Thanh

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng
vùng huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)

PHẦN I QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

Điều 1. Phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý

1. Phạm vi ranh giới: Ranh giới bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Như Thanh với 14 đơn vị hành chính (01 thị trấn và 13 xã), ranh giới lập quy hoạch cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Triệu Sơn;
- Phía Nam giáp thị xã Nghi Sơn và huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An;
- Phía Đông giáp huyện Nông Cống;
- Phía Tây giáp huyện Như Xuân và huyện Thường Xuân.

2. Quy mô

a) Quy mô dân số: Dự báo đến năm 2030, dân số toàn huyện gồm cả quy đổi khoảng 150.000 người; dân số đô thị khoảng 31.000 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 20,7%. Dự báo đến năm 2045, dân số toàn huyện gồm cả quy đổi khoảng 200.000 người; dân số đô thị khoảng 120.000 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 60,0%.

b) Quy mô đất đai: Tổng diện tích đất xây dựng đến năm 2030 khoảng 6.370 - 6.640 ha; Tổng diện tích đất xây dựng đến năm 2045 khoảng 7.620 - 8.150 ha.

Điều 2. Quy định về các vùng phát triển và các không gian phát triển kinh tế

1. Các phân vùng để kiểm soát quản lý phát triển

- Vùng 1 (vùng phía Bắc): bao gồm các xã Cán Khê, Xuân Du, Phụng Nghi, Mậu Lâm; trong đó, lầy Xuân Du là trung tâm vùng. Định hướng là vùng

phát triển nông, lâm nghiệp chủ yếu theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, chăn nuôi gia súc, gia cầm, con nuôi đặc sản; phát triển tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

- Vùng 2 (vùng trung tâm): bao gồm Thị trấn Bến Sung, các xã Hải Long, Xuân Thái, Phú Nhuận, Yên Thọ, Xuân Khang, Xuân Phúc; trong đó, lấy thị trấn Bến Sung là trung tâm vùng. Định hướng là vùng phát triển đô thị, du lịch, dịch vụ thương mại; tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Vùng 3 (vùng phía Nam): Bao gồm các xã: Yên Lạc, Thanh Tân, Thanh Kỳ; trong đó lấy Thanh Tân làm trung tâm. Định hướng là vùng phát triển công nghiệp phụ trợ cho Khu kinh tế Nghi Sơn; các ngành công nghiệp có chọn lọc đảm bảo môi trường bền vững bên cạnh các khu dân cư, các loại hình công nghiệp như: chế biến nông sản, các khu vực phát triển nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, điện năng lượng mặt trời...

2. Các phân vùng phát triển kinh tế

a) Vùng phát triển nông nghiệp:

- Về trồng trọt: cây ăn quả tập trung chủ yếu tại các xã Yên Lạc, Thanh Tân, Cán Khê, Hải Long, Xuân Phúc, thị trấn Bến Sung; cây dược liệu tại xã Yên Lạc, Xuân Thái, Xuân Du, Mậu Lâm, Thanh Kỳ; cây đào tại xã Xuân Du, Cán Khê, Xuân Phúc, Xuân Khang; cây riềng tại xã Cán Khê, Yên Lạc; cây dong chế biến miến dong tại xã Yên Lạc, Yên Thọ; nấm các loại tại xã Yên Thọ, Xuân Phúc; rau an toàn tại xã Yên Thọ, thị trấn Bến Sung, Mậu Lâm, Phú Nhuận, Thanh Tân; hoa, cây cảnh tại Thị trấn Bến Sung, xã Hải Long.

- Về chăn nuôi: Phát triển vùng chăn nuôi lợn ngoại tập trung, quy mô lớn tại các xã: Xuân Khang, Phú Nhuận, Mậu Lâm, Thanh Tân, Cán Khê; vùng chăn nuôi bò thịt chất lượng cao tại các xã: Mậu Lâm, Phú Nhuận, Phượng Nghi; vùng chăn nuôi gà lông màu xuất khẩu tại các xã: Mậu Lâm, Xuân Du, Cán Khê.

- Về lâm nghiệp: Phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái, mở rộng diện tích trồng rừng gỗ lớn, trọng tâm là những cây trồng có giá trị kinh tế cao như lim, lát, dổi, keo lai mô..., thực hiện tốt chế độ thâm canh để tăng năng suất, sản lượng; xây dựng các mô hình rừng trồng nguyên liệu gỗ đạt tiêu chuẩn cao tại các xã Mậu Lâm, Xuân Phúc, Thanh Tân, Thanh Kỳ, Cán Khê, Xuân Khang, Phượng Nghi.

b) Vùng phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)

Tổng diện tích đất công nghiệp đến năm 2030 là 588,29 ha, đến năm 2045 là 1.284,6 ha, bao gồm các khu và cụm công nghiệp như sau:

- Khu công nghiệp (thuộc KKT Nghi Sơn): Khu công nghiệp số 16 diện tích 470,0 ha tại xã Thanh Tân; Khu công nghiệp số 18 diện tích 40,2 ha tại xã Yên Lạc; Khu công nghiệp số 19 diện tích 606,1 ha tại xã Yên Lạc (dự kiến đến năm 2030 lấy khoảng 500 ha);

- Cụm công nghiệp đến 2030: CCN Hải Long - Xuân Khang diện tích 50 ha tại xã Hải Long và xã Xuân Khang; CCN Vạn Thắng - Yên Thọ diện tích 21,29 ha tại xã Yên Thọ; CCN Xuân Du diện tích 17 ha tại thôn 10 xã Xuân Du;

- Cụm công nghiệp giai đoạn 2031 - 2045: Bổ sung CCN Xuân Phúc diện tích 30,0 ha tại thôn Phúc Minh, xã Xuân Phúc và CCN Phú Nhuận diện tích 50 ha tại thôn Phú Phụng, xã Phú Nhuận. Các cụm công nghiệp quy hoạch mới được thực hiện khi đảm bảo phù hợp với Quy hoạch cấp trên và các quy định hiện hành tại thời điểm tổ chức thực hiện.

- Đối với phát triển các cụm làng nghề: Phát triển cụm làng nghề truyền thống miền đông Yên Lạc, cụm làng nghề truyền thống cây cảnh tại 8 thôn của xã Xuân Du; cụm làng nghề làm nem chua lợn mán Bến En tại thị trấn Bến Sung; cụm làng nghề sản xuất hương vị và gia vị của Cán Khê; làng nghề mỹ nghệ ở Xuân Thái; chế biến hàng hóa nông sản ở Yên Thọ...

c) Vùng phát triển đô thị - thương mại - dịch vụ: Tập trung phát triển dịch vụ thương mại tại thị trấn Bến Sung và các xã Xuân Du, Phụng Nghi, Mậu Lâm, Hải Long, Phú Nhuận, Xuân Phúc, Yên Thọ, Yên Lạc, Thanh Tân, Thanh Kỳ (khu vực tại các xã có các tuyến đường mang tính chất đối ngoại đi qua, như: đường tỉnh 520, Quốc lộ 45, Nghi Sơn - Bãi Trành, đường Vạn Thiện - Bến En).

Ngoài ra các điểm thương mại dịch vụ cấp huyện khác được bố trí tại các điểm du lịch và một số vị trí dọc các tuyến đường như: đường Vạn Thiện - Bến En, Quốc lộ 45, Nghi Sơn - Bãi Trành, đường tỉnh 520 các điểm giao giữa các tuyến đường chính.

d) Vùng phát triển du lịch

- Định hướng phát triển không gian du lịch huyện Như Thanh gồm:

+ Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng gắn với vui chơi giải trí cao cấp, chăm sóc sức khỏe tại Bến En, Hồ Yên Mỹ, Hồ Khe Lau, hồ Đồng Bề...

+ Du lịch di sản văn hóa, tâm linh: Lò cao kháng chiến Hải Vân; Đền Phủ Na, Phủ Sung, Đền Khe Rồng, Đền Bạch Y Công chúa; di tích nơi thành lập chi bộ Đảng đầu tiên của huyện (khu phố 2, thị trấn Bến Sung)...

+ Du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp: Du lịch cộng đồng tại các xã Xuân Phúc (làng Rọc Răm), Xuân Thái (làng Lúng, hang Lèn Pót), Xuân Khang (Hang Ngọc), Thanh Tân (thác Bò Lăn), Cán Khê (Thôn 3); Xã Mậu

Lâm (Mỏ nước thôn Đồng Bóp) kết hợp một số lễ hội truyền thống của các dân tộc Thái và Mường như: lễ hội Kin Chiêng Bọc Mạy, lễ hội Sét bóc Mạy, Lễ hội cúng Com mới...Du lịch nông nghiệp gắn với các sản phẩm OCOP tại các xã: Yên Thọ; Phú Nhuận, Thị trấn Bên Sung, Xuân Du.

- Hình thành các tuyến du lịch gồm: Tuyến nội huyện; tuyến liên huyện; tuyến liên tỉnh; tuyến Quốc tế; tuyến du lịch gắn với các sản phẩm/loại hình du lịch đặc trưng của huyện.

- Hình thành các tuyến kết nối các trọng điểm du lịch Quốc gia với Bến En và huyện Như Thanh thông qua các trọng điểm du lịch của tỉnh Thanh Hóa, Cảng hàng không Quốc tế Thọ Xuân và Cảng biển Nghi Sơn.

Điều 3. Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn

1. Quy định về quản lý hệ thống đô thị

- Giai đoạn 2030: Trên địa bàn huyện quy hoạch 01 đô thị là thị trấn Bên Sung (định hướng đạt tiêu chuẩn đô thị loại V) và 02 trung tâm cụm xã, gồm: Trung tâm cụm xã Xuân Du (hạt nhân phát triển vùng phía Bắc); Trung tâm cụm xã Thanh Tân (hạt nhân phát triển vùng phía Nam).

- Giai đoạn 2031 - 2045: Phấn đấu thành lập thị xã du lịch Như Thanh trên cơ sở toàn bộ địa giới hành chính huyện Như Thanh, trong đó các khu vực nội thị dự kiến bao gồm các xã, thị trấn hiện tại là thị trấn Bên Sung, Xuân Du, Thanh Tân, Hải Long, Phú Nhuận, Yên Thọ, Xuân Phúc, Yên Lạc. Tổng dân số khu vực nội thị đạt khoảng 210.000 người.

2. Quy định về quản lý hệ thống nông thôn

- Các xã phải được lập quy hoạch chung xây dựng xã để cụ thể hóa quy hoạch vùng huyện theo quy định tại Khoản 6, Điều 2, Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 08 năm 2019 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Quản lý và xây dựng các xã nông thôn theo Chương trình nông thôn mới đảm bảo mục tiêu các xã đạt chuẩn các tiêu chí nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022; xây dựng các trung tâm xã, khu dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn, các khu thủ tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, các điểm dân cư nông thôn tạo động lực mới phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực nông thôn.

Điều 4. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng

1. Vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội

a) Trung tâm hành chính chính trị

- Đối với các công trình hành chính, cơ quan cấp huyện: Đầu tư xây dựng mới và nâng cấp, cải tạo các trụ sở hành chính, công trình cơ quan cấp huyện đảm bảo hiện đại, khang trang đáp ứng nhu cầu làm việc và phục vụ nhân dân, đồng thời đáp ứng yêu cầu đồng bộ về không gian, kiến trúc, cảnh quan cho toàn bộ khu vực trung tâm.

- Đối với các công trình hành chính, cơ quan cấp đô thị: Từng bước đầu tư xây dựng theo các quy hoạch đô thị được duyệt.

- Đối với các công trình hành chính, cơ quan cấp xã, thị trấn: Cải tạo chỉnh trang, nâng cấp các trụ sở UBND các xã đảm bảo yêu cầu trong xây dựng xã Nông thôn mới.

b) Hệ thống công trình Y tế

- Mở rộng quỹ đất Bệnh viện huyện và nâng cấp quy mô lên 170 giường bệnh trước năm 2030. Nâng cấp, cải tạo chỉnh trang các trạm y tế cấp xã đảm bảo các tiêu chí do ngành Y tế quản lý.

- Khuyến khích, phát triển các phòng khám đa khoa tư nhân tại các đô thị.

c) Hệ thống công trình Giáo dục

- Giữ nguyên hệ thống các trường trung học phổ thông. Mở rộng nâng cấp các trường Trung học phổ thông đảm bảo đảm bảo tiêu chuẩn 40 hs/1000 dân, 10 m²/hs.

- Hệ thống giáo dục các cấp (Trung học cơ sở, trường tiểu học và trường mầm non): Các công trình hiện trạng được duy trì nâng cấp, cải tạo; xây mới thêm ở các khu dân cư tập trung, khu đô thị mới đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

- Dành quỹ đất thích hợp ở khu trung tâm, thuận lợi để kêu gọi đầu tư, xây dựng trường học. Sau năm 2030 khuyến khích hình thành thêm các trường liên cấp trong các khu vực đô thị theo hình thức xã hội hóa.

d) Hệ thống công trình văn hóa - thể thao

- Đầu tư xây dựng các công trình, thiết chế văn hóa, thể thao từ cấp huyện đến cấp xã, cấp thôn đảm bảo quy chuẩn QCVN 01: 2021/BXD; bố trí quỹ đất, ưu tiên đầu tư các tổ hợp các công trình, thiết chế văn hóa - thể thao các cấp.

- Đầu tư xây dựng khu trung tâm văn hóa - thể thao, công viên tại thị trấn.

- Trung tâm văn hóa, TDTT cấp đô thị gồm các công trình: sân thể thao cơ bản, trung tâm văn hóa thể thao...

- Trung tâm TDTT cấp khu ở: 100% các xã và thị trấn đã có sân thể thao; Cải tạo và nâng cấp các khu trung tâm TDTT hiện hữu đạt chuẩn nông thôn mới.

e) Hệ thống công trình Quốc phòng

Thực hiện theo các quy định của Pháp luật về an ninh, quốc phòng.

2. Vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật

a) Hệ thống giao thông

- Quốc lộ 45: Quy hoạch đến năm 2045 nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III-IV, 2-4 làn xe, đoạn tránh qua thị trấn Bến Sung chiều dài tuyến 4 km theo tiêu chuẩn đường cấp III, 04 làn xe; đường Nghi Sơn - Bãi Trành: Quy hoạch đến năm 2045 nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III-IV, 2-4 làn xe.

- Đường tỉnh: Đường tỉnh 505 (Chuối - Thanh Tân) 3 km, quy hoạch đến năm 2045 đường cấp III; Đường tỉnh 505B (Thăng Long - Xuân Thái - Đường Nghi Sơn Bãi Trành) 32,4 km, quy hoạch đến năm 2045 đường cấp III; Đường tỉnh 514 (Thiều - Thượng Ninh) 13,5 km, quy hoạch đến năm 2045 đường cấp III; Đường tỉnh 520 (Sim - TT. Bến Sung - Thanh Tân) 48,0 km, quy hoạch đến năm 2045 đường cấp III; Đường tỉnh 520C (TT Yên Cát - Xuân Khang) chiều dài qua huyện Như Thanh là 2,8 km, quy hoạch đến năm 2045 đường cấp III; Đường tỉnh 529 (Thanh Tân - Bò Lăn) 10,5 km, quy hoạch đến năm 2045 đường cấp III; Đường tỉnh 506: (Thọ Xuân - Nghi Sơn) 2 km, quy hoạch đến năm 2045 đường cấp II-III;

- Quy hoạch 08 bến xe gồm: 01 bến xe loại 1 (Xuân Phúc); 01 bến xe loại 3 (TT. Bến Sung); 01 bến xe loại 4 (Thanh Tân); 06 bến xe loại 6 (trong KDL Bến En, Xuân Du, Mậu Lâm, Cán Khê, Phụng Nghi).

- Về giao thông công cộng: Tiếp tục khai thác, nâng cấp tuyến xe buýt hiện có. Trên cơ sở mạng lưới tuyến xe buýt nội tỉnh và liên kết trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 06/6/2022, đề xuất xây dựng các tuyến xe buýt nhằm tăng cường kết nối huyện với các khu vực trọng điểm trong và ngoài tỉnh.

- Bến thủy nội địa: Quy hoạch 02 bến đầu mối du lịch tại khu vực Bến En và xã Xuân Thái.

b) Hệ thống công trình cấp nước

- Giai đoạn đến 2030:

+ Nâng cấp nhà máy nước thị trấn Bến Sung hiện có công suất từ 1.500 m³/ngđ lên 5.000 m³/ngđ, nguồn cấp nước thô từ hồ Đồng Lớn (dừng hoạt động khi dự án Khu du lịch sinh thái Bến En đi vào hoạt động);

+ Xây dựng mới 01 nhà máy cấp nước tại khu du lịch Bến En phục vụ cho thị trấn Bến Sung và các xã vùng phụ cận (gồm Hải Long, Xuân Khang, Xuân Phúc, Xuân Thái, Yên Thọ, Phú nhuận), khu du lịch Bến En, cụm công nghiệp

có trong khu vực, công suất 25.000 m³/ngđ, nguồn nước thô cấp cho nhà máy được lấy từ hồ Sông Mực;

+ Xây dựng mới 01 nhà máy nước mới tại xã Thanh Kỳ: công suất 1.500 m³/ngđ phục vụ cho các xã Thanh Tân, Thanh Kỳ và Yên Lạc; Xây dựng 01 nhà máy nước mới tại xã Xuân Du: công suất 1.500 m³/ngđ phục vụ cho các xã Xuân Du, Cán Khê, Phượng Nghi, nguồn được lấy từ kênh C5 thuộc hệ thống tưới Bái Thượng.

- Giai đoạn 2031-2045:

+ Nâng công suất nhà máy nước tại khu du lịch Bến En lên 35.000 m³/ngđ;

+ Nâng cấp công suất nhà máy nước Xuân Du lên 3.000 m³/ngđ; Nâng cấp công suất nhà máy nước tại xã Thanh Kỳ lên 3.000 m³/ngđ.

c) Hệ thống công trình cấp năng lượng:

- Quy hoạch đến năm 2030: Trạm 110 kV Như Thanh công suất đến 2025 là 40 MVA, đến 2030 là 2x40 MVA. Trạm 110 kV Bến En công suất đến 2025 là 2x40 MVA, giữ nguyên đến 2030.

- Quy hoạch đến năm 2045: Nâng cấp công suất trạm biến áp 110 kV Như Thanh lên thành 2x63 MVA; trạm 110 kV Bến En thành 2x63 MVA. Ngoài ra, huyện Như Thanh được hỗ trợ cấp điện từ trạm 110 kV Nông Cống và trạm 110 kV Triệu Sơn.

d) Hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động:

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông thụ động có công nghệ hiện đại, phù hợp với phương án phát triển hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Thanh Hoá đến năm 2045, Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Thanh Hoá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3705/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2015 và các quy hoạch có liên quan như: quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch xây dựng nông thôn.

- Hệ thống cáp viễn thông: Loại bỏ các đường dây cáp, sợi cáp không còn sử dụng; Thực hiện gia cố hệ thống dây cáp; Hạ ngầm các tuyến cáp theo quy hoạch phải ngầm hóa mạng cáp; Loại bỏ hoặc hạ ngầm các tuyến cáp treo tuyến cáp cắt ngang, tại các ngã tư, nút giao thông. Các tuyến cáp phải bố trí dọc theo các trục giao thông, dành quỹ đất để xây dựng công trình hạ tầng viễn thông.

e) Hệ thống công trình thoát nước thải:

- Quản lý 03 nhà máy xử lý nước thải tại thị trấn Bến Sung; các nhà máy xử lý nước thải ở KCN, CCN, khu dân cư tập trung phải được bố trí hệ thống xử lý nước thải tập trung để thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn theo quy định;

- Đối với khu vực nông thôn các hộ dân cư xây dựng bề tự hoại, đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp, trang trại được xử lý triệt để trước khi xả ra môi trường, tuân thủ quy định tại Thông tư 15/2021/TT-BXD ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ Xây dựng.

g) Quản lý chất thải rắn:

- Giai đoạn đầu: Rác thải sinh hoạt của huyện sẽ được thu gom, vận chuyển đến Khu vực xử lý rác thải tập trung tại khu phố Hải Tiến, phía Đông thị trấn có quy mô 2,5 ha;

- Giai đoạn sau: Di dời khu xử lý rác thải về khu vực xã Xuân Phúc, quy mô diện tích dự kiến khoảng 10 ha.

h) Quản lý nghĩa trang:

- Khu nghĩa trang tập trung bố trí tại thị phía Đông Nam thị trấn Bến Sung giáp ranh xã Yên Thọ, với quy mô khoảng 26,0 ha. Đối với các đô thị, xã trên địa bàn bố trí 1-2 khu nghĩa trang sẽ được cụ thể hóa tại quy hoạch chung đô thị và quy hoạch chung xây dựng xã.

Điều 5. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường

1. Quy định đối với hệ thống giao thông:

- Đối với đường ngoài đô thị: Hành lang bảo vệ các tuyến đường theo quy định của Luật Giao thông đường bộ và Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

- Đối với đường đô thị: Quản lý tuân thủ đúng chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của các tuyến theo quy hoạch đô thị được duyệt.

2. Quy định về bảo vệ nguồn nước:

- Quy định về bảo vệ nguồn nước tuân thủ Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ. Trong đó:

+ Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện, thủy lợi: Thực hiện theo Điều 8, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ.

+ Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đối với sông, suối, kênh (hệ thống sông Mực, các suối, kênh Nông giang thuộc huyện Như Thanh): Thực

hiện theo Điều 9, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ.

+ Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ tự nhiên, hồ nhân tạo ở đô thị, khu dân cư tập trung và các nguồn nước khác: Thực hiện theo Điều 10, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ.

- Quy định về vùng bảo vệ nhà máy nước: Phải xây tường rào bảo vệ bao quanh khu vực xử lý nước trong phạm vi 30m kể từ chân tường các công trình xử lý. Khu vực bảo vệ đường ống cấp nước phân phối chính tối thiểu là 0,5m.

- Quy định về khoảng cách ly môi trường tối thiểu: Đối với trạm bơm từ 15 - 30m; Đối với trạm xử lý nước thải từ 100 - 1000 m.

3. Quy định về hành lang an toàn hệ thống điện:

- Quản lý hành lang cách ly đường điện, công trình điện phải tuân thủ theo Luật Điện lực 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực năm 2012; Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện; Nghị định 51/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 về quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

- Khi lập các đồ án quy hoạch đô thị, nông thôn trên địa bàn phải dành quỹ đất bố trí hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không tuân thủ theo quy định tại Điều 11 Nghị định 14/2014/NĐ-CP 26 tháng 02 năm 2014 về quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện và khoản 7, Điều 1, Nghị định 51/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 14/2014/NĐ-CP 26 tháng 02 năm 2014;

- Quản lý không gian công trình điện: Trong khu vực nội thị, hệ thống đường dây hạ thế và chiếu sáng xây mới phải quy hoạch đi ngầm, hệ thống đường dây hạ thế và chiếu sáng hiện hữu phải được cải tạo theo hướng hạ ngầm. Ngoài ra các công trình cáp điện phải tuân thủ QCVN 01:2021/BXD.

4. Quy định về hành lang an toàn công trình viễn thông thụ động

Thực hiện quản lý phạm vi bảo vệ hành lang an toàn công trình viễn thông theo quy định tại QCVN07-8:2016/BXD Quy chuẩn Quốc gia Công trình viễn thông và QCVN 33:2019/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.

5. Quy định về hành lang bảo vệ công trình Thủy lợi:

Hành lang bảo vệ công trình Thủy lợi (Hồ, đập, trạm bơm, kênh) đảm bảo không thiết kế bố trí công trình hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi vùng phụ cận

công trình Thủy lợi theo quy định tại Điều 40 Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 và Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh để đảm bảo không gây cản trở việc vận hành và an toàn công trình.

6. Quy định về quản lý chất thải rắn, quản lý nghĩa trang:

a) Quản lý chất thải rắn (CTR):

- Quy định về thu gom và phân loại CTR: Phải thu gom đạt tỷ lệ 100% lượng CTR phát sinh; thực hiện phân loại CTR tại nguồn phát sinh; phải thu gom, xử lý riêng đối với CTR công nghiệp, CTR y tế nguy hại.

- Quy định về xử lý CTR: Ưu tiên các công nghệ xử lý CTR hiện đại, tiết kiệm quỹ đất xây dựng.

- Quy định về khoảng cách ly vệ sinh môi trường: Bãi chôn lấp vệ sinh phải có hàng rào bảo vệ; dải cây xanh cách ly ngoài hàng rào phải có chiều rộng tối thiểu là 20 m.

- Quy định về khoảng cách ly vệ sinh môi trường tối thiểu của khu vực xử lý CTR đến khu vực dân cư, công trình công cộng, xí nghiệp chế biến thực phẩm và điểm lấy nước phục vụ sinh hoạt: Bãi chôn lấp CTR hỗn hợp (vô cơ và hữu cơ) hợp vệ sinh 1000 m; Bãi chôn lấp vô cơ 100 m; Nhà máy xử lý CTR 500 m; Điểm, trạm trung chuyển CTR: 25m.

b) Quản lý nghĩa trang:

- Quy định về sử dụng nghĩa trang và hình thức an táng: Sử dụng nghĩa trang tập trung xác định trong quy hoạch, ưu tiên hình thức hỏa táng; Các nghĩa trang không đảm bảo khoảng cách ly hoặc đã lấp đầy, phải xây dựng lộ trình đóng cửa, không sử dụng.

- Quy định về khoảng cách ly vệ sinh môi trường của các nghĩa trang đến điểm dân cư, công trình công cộng gần nhất: Đối với nghĩa trang có hung táng tối thiểu là 1.500 m nếu không có hệ thống thu gom và xử lý nước dò rỉ từ mộ hung táng; Đối với nghĩa trang chôn cất 1 lần tối thiểu là 500 m; Đối với nghĩa trang cát táng tối thiểu là 100 m; Đối với lò hỏa táng: bán kính tối thiểu là 500 m tính từ ống khói lò hỏa táng. Trường hợp do điều kiện đất đai hạn chế phải có biện pháp kỹ thuật, môi trường để giảm khoảng cách ly vệ sinh môi trường nhưng phải được cơ quan quản lý môi trường thẩm định, chấp thuận.

- Quy định về nhà tang lễ: Khoảng cách ly tối thiểu đến công trình nhà ở là 100m; đến chợ, trường học là 200 m.

7. Quy định về công trình ngầm:

a) Quy định về phát triển hệ thống hạ tầng ngầm:

- Đối với đô thị cũ cải tạo chỉnh trang bao gồm đô thị trung tâm: Từng bước cải tạo hạ ngầm tập trung vào các đường dây điện, đường dây viễn thông nổi; xây dựng hệ thống tuynel, hào, cống bể cấp trong ranh giới quy hoạch.

- Đối với các khu chức năng, khu đô thị xây mới phải xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm, đồng bộ với hệ thống giao thông. Cấm xây dựng mới đường dây nổi tại các khu trung tâm đô thị, khu vực di sản kiến trúc, tuyến phố chính.

- Đối với khu vực nông thôn: từng bước xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm, đồng bộ với hệ thống giao thông.

b) Quy định về hệ thống tuynel, cống, bể cấp:

- Các tuynel chính cấp vùng: Chứa các đường ống có kích thước lớn, đường điện cao thế, đường ống cấp nước, viễn thông phải đảm bảo kích thước cho con người hoặc máy móc đi lại vận hành và sửa chữa.

- Các tuynel nhánh xây dựng dọc theo các trục đường chính đến đường phân khu vực, các tuyến cống bể cấp phục vụ nhu cầu dọc theo tuyến đường phải được xây dựng đồng bộ với các đường giao thông khi xây mới hoặc khi cải tạo tuyến phố.

8. Quy định về các công trình hạ tầng kỹ thuật khác:

Phạm vi bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật khác tuân thủ các quy định chuyên ngành tương ứng hiện hành.

9. Quy định về các biện pháp bảo vệ môi trường:

- Thực hiện các giải pháp bảo vệ thiên nhiên, các di sản văn hóa - lịch sử phục vụ cho phát triển du lịch dịch vụ; xử lý hiện trạng ô nhiễm môi trường; đảm bảo an toàn cho nguồn cấp nước sinh hoạt, tưới tiêu, bảo vệ môi trường đất, môi trường không khí; bảo vệ các hệ sinh thái đặc trưng.

- Các dự án phải đánh giá tác động môi trường để có phương án kiểm soát, giảm thiểu ô nhiễm môi trường đối với các vùng bảo tồn, hạn chế phát triển; vùng dân cư đô thị và khu du lịch; vùng rừng phòng hộ, vành đai xanh, hành lang xanh và hệ thống cây xanh công cộng; vùng nông thôn.

- Việc quyết định địa điểm và triển khai các dự án nhạy cảm về môi trường (khu xử lý rác, nghĩa địa, khu xử lý nước thải, các khu chăn nuôi tập trung) sẽ được xem xét cụ thể trên cơ sở định hướng quy hoạch vùng và phải đảm bảo các yêu cầu về khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường theo quy định.

Điều 6. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa

1. Bảo tồn các di sản thiên nhiên:

- Các di sản thiên nhiên phải được khoanh vùng và thực hiện cấm mốc giới bảo vệ, đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật Di sản văn hoá 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá 2009; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ; Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ và Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ VHTT&DL quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích”.

2. Các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa:

a) Về lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ phục hồi di tích lịch sử, văn hoá danh lam thắng cảnh: Tuân thủ các quy định Luật Di sản văn hóa; Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; Nghị định 710/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền trình tự thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ phục hồi di tích lịch sử, văn hoá danh lam thắng cảnh; Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ và Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ VHTT&DL quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

b) Về tổ chức không gian: Quản lý khu vực bảo vệ di tích được thực hiện theo điều 32 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa (Luật số 32/2009/QH12) và điều 14 Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Việc cải tạo, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và kiến trúc trong phạm vi xung quanh các hạng mục công trình di tích lịch sử, danh lam, danh thắng.

c) Bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích: Xác định hình thức bảo tồn, tôn tạo phù hợp với tính chất của từng loại di tích; Công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi nguyên trạng công trình di tích, đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật Di sản văn hoá số 28/2001/QH10 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá số 32/2009/QH12; Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ và Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ VHTT&DL quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

d) Về cảnh quan di tích và khu vực được phép xây dựng:

- Cảnh quan xung quanh khu vực di tích phải đảm bảo sự hài hòa, tôn tạo và phát huy được các giá trị của di tích, đảm bảo môi trường sinh thái; Phù hợp với các hoạt động tín ngưỡng, văn hoá tâm linh của nhân dân và du khách.

- Không bố trí các hoạt động kinh doanh trong khu vực bảo vệ di tích (đặc biệt là khu vực I của di tích – khu vực bảo vệ nghiêm ngặt). Do vậy, việc “bố trí các hoạt động kinh doanh chuyển sang khu vực bảo vệ cảnh quan di tích và khu vực được phép xây dựng các công trình”.

PHẦN II

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Phân công và quy định trách nhiệm quản lý

1. UBND huyện Như Thanh có trách nhiệm

Căn cứ vào quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt, tổ chức lập và trình UBND tỉnh phê duyệt các quy hoạch chung đô thị; tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 theo thẩm quyền.

Tổ chức chỉ đạo UBND các xã, thị trấn theo thẩm quyền được giao, quản lý chặt chẽ, toàn diện các hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, phát triển cải tạo và quản lý không gian kiến trúc cảnh quan theo đúng đồ án Quy hoạch vùng huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 và quy định quản lý đã được phê duyệt; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về công tác thực hiện theo quy hoạch.

2. Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông; Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp và các ban ngành có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện và quản lý nhà nước các lĩnh vực ngành theo quy định của nhà nước và quy định này.

Điều 8. Ban hành và lưu trữ quản lý

- Quy định này được ban hành và lưu trữ tại các Sở, ngành: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông; Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp.

- UBND huyện Như Thanh và các xã, thị trấn thuộc huyện Như Thanh./.